

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày: 28-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hà Như Oanh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lâm Văn Vô
2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2021/DSST ngày 25 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngân H, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: Đường A, Phường T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lý Đức C, sinh năm 1967.

Địa chỉ thường trú: Đường N, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Ngân H trình bày:

Ông Lý Đức C (viết tắt là ông C) là bạn làm ăn với em ruột bà Huỳnh Ngân H (viết tắt là bà H). Khoảng cuối tháng 6 năm 2019, ông C có đến nhà bà H đề nghị bà H cho vay tiền để làm ăn, hứa sẽ trả trong thời hạn 01 (một) năm, lãi suất vay là

20%/1 năm. Tin vào lời hứa của ông C nên ngày 02 tháng 7 năm 2019, bà H cho ông C vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 20%/1 năm, thời hạn vay là 01 (một) năm kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2019 và vào ngày 2 tây hàng tháng, ông C sẽ trả tiền lãi cho bà H. Việc vay nợ này được lập Hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Văn phòng Công chứng Đàm Sen, số công chứng: 00020529, quyền số: 07 TP/CC-SCC/HĐGD.

Tuy nhiên, từ ngày vay được tiền cho đến nay, ông C trốn tránh không thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền nêu trên, không trả lãi hàng tháng kỳ nào và khi đến hạn trả nợ, ông C cũng không trả bà H bất kỳ khoản tiền nào, luôn trốn tránh không gặp bà H dù bà H đã nhiều lần đến tận nhà của ông C.

Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu cá nhân ông C trả cho bà H tiền nợ gốc và lãi vay theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 02 tháng 7 năm 2019 tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 132.500.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), bao gồm:

- Tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).
- Tiền lãi trong hạn: $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} = 20.000.000 \text{ đồng}$ (hai mươi triệu đồng).
- Tiền lãi quá hạn tạm tính đến thời điểm khởi kiện: $100.000.000 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm}/12 \text{ tháng} \times 5 \text{ tháng} = 12.500.000 \text{ đồng}$ (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

** Bị đơn là ông Lý Đức C được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Huỳnh Ngân H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn là ông Lý Đức C trả số tiền nợ gốc và tiền lãi còn thiếu là 132.500.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Bị đơn là ông Lý Đức C vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 7 năm 2019 thể hiện nguyên đơn bà Huỳnh Ngân H cho bị đơn ông Lý Đức C vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2019, lãi suất 20%/1 năm. Từ khi quá thời hạn

trả nợ cho đến nay, ông C không trả nợ cho bà H, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi là 132.500.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bị đơn ông Lý Đức C chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Huỳnh Ngân H khởi kiện yêu cầu ông Lý Đức C trả tiền nợ vay của Hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 7 năm 2019. Trong đơn khởi kiện, bà H đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của ông C được ghi trong Hợp đồng vay tiền nêu trên là tại số 55 Ngô Quyền, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 03 tháng 02 năm 2021, Công an Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp thông tin là ông C có hộ khẩu thường trú tại số 55 Ngô Quyền, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa pH, không rõ nơi tạm trú hiện nay. Tại văn bản số 2621/QLXNC-P5 ngày 17 tháng 10 năm 2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an đã cung cấp thông tin ông C đã xuất nhập cảnh 166 lần, lần gần nhất nhập cảnh ngày 31 tháng 12 năm 2019, chưa có thông tin xuất cảnh. Ông C thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho bà H biết là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông Lý Đức C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Vì thế, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn bà Huỳnh Ngân H buộc bị đơn ông Lý Đức C trả số tiền nợ đã vay là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 02 tháng 7 năm 2019 đến ngày 02 tháng 7 năm 2020 là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong 5 tháng (kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2020 đến ngày 03 tháng 12 năm 2020) là 12.500.000 đồng, tổng cộng 132.500.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

[3.1] Căn cứ Hợp đồng vay tiền được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Đàm Sen ngày 02 tháng 7 năm 2019 thể hiện ông Lý Đức C có vay của bà Huỳnh Ngân H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 (một) năm kể từ ngày hợp đồng vay tiền được chứng nhận, lãi suất vay là 20%/1 năm.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu chứng cứ kèm theo mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[3.3] Đến hạn trả nợ, ông C không trả nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 7 năm 2019, do đó bà H yêu cầu ông C trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận định:

Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn theo mức lãi suất thỏa thuận 20%/năm kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2019 đến ngày 02 tháng 7 năm 2020 là $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/1 \text{ năm} \times 1 \text{ năm} = 20.000.000 \text{ đồng}$ (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức lãi suất là 150% mức lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2020 đến ngày 03 tháng 12 năm 2020 là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 20\% \times 5 \text{ tháng} = 12.500.000 \text{ đồng}$ (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Như vậy, tổng số tiền ông C có trách nhiệm trả cho bà H là 132.500.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngân H:

Buộc ông Lý Đức C có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Ngân H tiền nợ của Hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 7 năm 2019 tổng cộng là 132.500.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 32.500.000 đồng.

Thực hiện trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý Đức C chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.625.000 đồng (sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Trả lại cho bà Huỳnh Ngân H số tiền tạm ứng án phí là 3.312.500 đồng (ba triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036335 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Huỳnh Ngân H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lý Đức C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận F;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hà Như Oanh